

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 2 (Phần Cuối)

BẢN LUẬN QUYỂN 7

Trong nhân đã gây ra ở đời trước, đầu tiên là nêu tà chấp, thứ hai là gạn phá.

Trong phần đầu có hai:

- 1) Lược nêu chấp.
- 2) Nói về nhân duyên khởi chấp.

Nói rộng như kinh: Nghĩa là như kinh nói: “Thông thường, tất cả sĩ phu, bổ đặc-Gia-la ở các thế gian phải chịu, đều do tác nghiệp kiếp trước làm nhân, do siêng năng, tinh tấn, cởi bỏ dần ra nghiệp cũ. Nghiệp mới hiện tại do không tạo nhân bị hại. Như thế, về sau không còn hữu lậu. Vì vô lậu, nên nghiệp hết, vì nghiệp hết nêu khổ hết, do khổ hết nên chứng được bờ mé khổ.

Những lời trên đây đều là văn bản của kinh Phật. Nhưng để nêu rõ Tông chỉ của kinh ấy nên trong luận này hợp thành tám trường hợp tản mát nhắc lại để giải thích, nên tìm đọc văn này để biết được ý luận.

Nghiệp mới trong hiện tại, do không tạo nhân bị hại: Nghĩa là hành khổ của nghiệp ác đời trước tức liền thổ lộ ra. Nghiệp mới trong hiện tại do không tác động nhân bị hại, khiến nó không khởi. Hai nghiệp đã hết sau không còn hữu lậu. Ngoại đạo vô hệ : là Ni-kiền-đà-phất-đát-la luận Thành Duy Thức chép: “Ngoại đạo vô Tâm, ly hệ tử”.

Khổ hạnh lõa hình, lìa các thứ ràng buộc. Ngoại hình đã thế, biểu nội cũng thế.

Trong duyên lý khởi chấp có phương tiện đúng mà chiêu cảm khổ cụ; Dùng phương tiện tà mà tạo nên niềm vui, phải biết rằng, đó là do sự tạo tác của kiếp trước.

- “Nếu thế, thì vì sao ở trước nói là phương tiện hiện pháp chiêu cảm khổ?” Lại nói: “Do siêng năng, tinh tấn, thổ lộ ra nghiệp cũ v.v...”?

Giải thích: Người ấy chỉ y cứ ở chánh nhân cảm báo, tất nhiên là nghiệp đời trước, nên gọi là Túc Tác. Lại nói “Do hiện khổ hạnh, có thể thổ lộ ra cái ác của đời trước”. Chính do trường hợp sau này đã bị luận gia đã phá.

Thứ hai là trong gạn, phá, trước là chính phá chấp của ngoại đạo, sau là chỉ bày chánh nghĩa, để nói lên tà kia:

- Nếu dùng Túc Tác làm nhân thì trước đây ông đã nói rằng, nhờ siêng năng, tinh tấn, nên thổ lộ ra nghiệp cũ, trong đây nói là tất cả nhân ác đều là tác nhân của đời trước, vì sao nói là nghiệp mới hiện tại do không tạo ra nhân bị hại v.v... ? Vì mới cũng làm ác, chứ không phải chỉ có Túc tác. Lượng rằng:

*“Nhân ác hiện tại đã có ở thân này.
Vì thuộc về nhân ác chiêu cảm khổ.
Như nhân ác đời trước”.*

Trong phần nêu chánh nghĩa, đôi khi còn có tạp nhân của khổ pháp sinh, v.v... là do nghiệp thiện đời trước được hầu hạ quân vương. Sự tà là nhân lại chiêu cảm khổ.

Vì hai nghiệp Dị thực, nên gọi là tạp nhân, chứ không phải là hai nghiệp chiêu cảm chung một quả. Đôi khi vì nghiệp cũ, nên chiêu cảm khổ ão. Sự tà, vì vua nên nghiệp tức là thực, gọi là tạp nghiệp. Như thờ vua, nhân như thế, đồng với nghiệp của lời lẽ của người buôn bán. Trước kia làm nghiệp thiện, lẽ ra được của cải giàu có. Nói lừa dối ninh bọ, thì lại được ngọc báu. Cả hai nghiệp cùng thành thực, đây gọi là tạp nhân (Nhân có nhiều thứ lẫn lộn).

Như thế, do nghiệp thiện được của cải trước kia, đến nay lẽ ra thành thực. Nhờ làm nghề nông; hoặc nhờ trộm cướp; hoặc nhờ giết mổ mà được giàu, vui, đây gọi là nghiệp lộn xộn (tạp nghiệp). Có người dù sống về nghề buôn bán v.v... thậm chí làm nghề giết mổ, mà không được của cải giàu có, là vì trước kia không có phước, thiện có thể được quả. Như mới tạo nghiệp, dẫn đến nghiệp của “hữu” khác, đây là tất cả thuận với nghiệp hiện thọ. Nuôi nấng cha mẹ v.v... cho đến nghiệp xử khéo léo, hiện được của báu, đều thuận với hiện nghiệp.

Trong tác giả, tự tại v.v..., trước nêu, sau phá.

Trượng phu là thần ngã tự tại v.v... Tự tại tức là trời tự tại kia. Có ngoại đạo chấp cho là Tác giả. Ngoại đạo kia chấp Trời tự tại có ba thân:

- 1) Pháp thân: cùng khắp cả hư không.
- 2) Ứng thân, chỉ ở cõi trời kia.

3) Hoá thân, tùy sáu đường mà khởi v.v...

Nghĩa là Duy Thức nói: “Đại Phạm; thời; phương; bản tế; tự nhiên; hư không; ngã v.v...”

Trong phần phá, trước có một bài tụng, tụng bốn đạo lý; kế là trong văn xuôi dựa vào bốn đạo lý, tối, lui, gạn, trạch. Ba là phá xong nhắc lại kết.

Trong bài tụng, không có thể tánh nghĩa là vận hỏi công năng kia, về mặt lý không thành tựu, gọi là không có thể tánh.

Luận Hiển Dương quyển mười bốn lại có chấp biến đổi, e rườm rà nên không dẫn.

Trong việc gạn, trách của văn xuôi, nếu người có công dụng thì đối với công dụng đó không có tự tại, mà ở thế gian lại có Đấng Tự Tại, là không hợp lý. Nghĩa là nếu thế gian được biến ra đối với trời Tự Tại có dụng nên biến khởi: Là lẽ ra chỉ biến khởi pháp thiện của người, trời, cần gì phải biến đổi pháp khổ của ba đường?

Tác dụng đó không có tự tại, mà nói là tự tại đối với thế gian là không hợp lý.

Cũng có thể cần công dụng sinh ra thế gian tức là trời Đại tự tại thường bị tác dụng theo đuổi không được tự tại, mà nói là tự tại, là không hợp lý. Nếu không có công dụng, thì đối với trời tự tại đều không có chỗ cần dùng mà sinh thế gian, đây chính là tự tại mới có lỗi si cuồng, cho nên chẳng đúng lý.

- Nếu chỉ dùng Đại tự tại làm nhân v.v..., thì trời Đại tự tại tại đã có từ vô thỉ. Đối với pháp được sinh, cũng được hình thành từ vô thỉ, cho nên chẳng phải Tự tại có thể sinh ra các pháp. Ví như hai sừng bò cùng mọc một lúc. Một quả, một nhân, tức là trái với chánh lý. Thế nên, luận Hiển Dương quyển mười bốn chép: “Như thể của Tự Tại từ xưa đến nay thường có, thế gian cũng vậy, không nên lại sinh? Vì đều có, nên không có tác dụng mới sinh.”

- Nếu nói cũng lấy cái khác làm nhân, thì điều này không thể được. Bởi Đại Tự Tại ưa muốn, cũng lấy người khác làm nhân là không hợp lý.

Hai là trong chánh pháp, trước nêu, sau phá.

Trong phần phá, trước phá chấp, sau chỉ bày chánh nghĩa:

- Nếu là tự thể của pháp, thì lìa sát sinh kia, không thể cảm được quả v.v... mà mình đã ưa thích. Ông nói thể của chú phương là thiện, pháp thiện thì lẽ ra phải tự cảm đến quả ái, vì sao lại tỏ ra phải chờ sau khi sát sinh, đợi sức chú biến đổi phi pháp sát để làm phương chánh

pháp, chiêu cảm quả vui? Là không hợp lý.

Trong đoạn văn kết dưới có năm chữ “Cố”: Nhân vì” nghĩa là kết phi pháp trước; vì nhân quả sau; vì thí dụ, nghĩa là kết dụ chế phục chú độc ở trước, vì không quyết định, nghĩa là kết biến hành, còn hai chữ “Cố” khác rất dễ hiểu.

Trong chỉ bày chánh nghĩa, nếu nghiệp tự ở chỗ không muốn, nghĩa là mình không muốn, bị người khác sai khiến làm, vì không tin cho làm, nên gọi là phi pháp.

Nghiệp vô ký tự tánh: Nghĩa là vì không thuận lý nên gọi là phi pháp.

Trong biên, vô biên, trước là nêu, sau là pháp, đều dựa vào túc trụ thông của Tĩnh lực, về sau mới khởi kiến này. Nếu dựa vào bờ mé đoạn, để tìm thời gian v.v... của bờ mé thì đây là nhìn kiếp hoại lúc mở ra, đoạn, không thấy kiếp Thành ở sau, tức là khởi tướng biên, không phải vì “Ngã” sinh sau, nên không phải biên kiến. Hoặc thấy kiếp Thành, không thấy kiếp hoại, bấy giờ mới khởi tướng vô biên. Hoặc khi dựa vào mười phương để tìm kiếm rộng khắp, ở chỗ trên, dưới được thấy bờ mé cùng cực rồi khởi, cũng là tướng hữu biên. Vận thần thông bên cạnh, đến một, hai ngàn cõi, không đến ba ngàn. Nghĩa là người kia khởi vô biên, vì thần cảnh trí thông của loại phàm phu không vượt qua cõi Tam Thiên quyển tám mươi bảy nói không đồng với thuyết này.

Thuyết kia nói: “Nếu thời gian nhớ nghĩ đến phần vị kiếp thành thì lúc bấy giờ sẽ sinh ra ba thứ vọng tưởng: Hoặc một mặt nhớ đến bờ mé trên, dưới, dừng lại ở tướng hữu biên; hoặc một mặt nhớ bờ mé vô biên, bám trụ tướng vô biên; Hoặc trên, dưới và bên cạnh, cả hai đều nhớ song song, vừa hữu biên, vừa vô biên.

Nếu lúc nhớ nghĩ đến phần vị kiếp hoại, rồi khởi tướng phi hữu biên, phi vô biên, thì khí thế gian sẽ không có gì được cả. Cho nên, đều nêu một chấp, cũng không trái nhau.

Trong phân phá, phi thế gian mà nghĩ đến biên thế gian là không hợp lý, nghĩa là từ kiếp hoại không còn thế gian, rồi nói là biên, thì vì ngoại đạo ông không ở thế gian, không biết thời nay có thế gian mà nghĩ đến thế gian, nên không lý.

Trong bất tử kiểu loạn có ba:

1) Nêu chấp, 2) Chỉ ra kinh, 3) Kết lỗi. Trong nêu chấp có ba:

1- Nêu.

2- Giải thích nghĩa bất tử kiểu loạn.

3- Nêu bốn chấp.

Bất tử kiểu loạn: Nghĩa là ngoại đạo tự nói: “Vị trời mà thầy ta kính thờ, thường gọi là Bất Tử. Đã thấy đế lý, được định vô lậu, gọi là bất tử, nên một chữ “Bất” dùng chung cho hai chỗ,”

- Lại nữa, dù họ tự cho rằng bất tử, không rối loạn, nhưng thật ra thì chưa được. Nếu khi người nào hỏi họ về pháp bất tử, vì không hiểu, nên đối với pháp bất tử họ giả dối chuyện khác, giả bộ lung tung rồi lẫn tránh, nên gọi là kiểu loạn”.

Quyển tám mươi bảy chép: “Có hai TịnhThiên”

1) Chỉ có thể nhập Tĩnh lực thế gian, chưa hiểu rõ về đế lý, tâm chưa được giải thoát, gọi là bất thiện thanh tịnh.

2) Có khả năng chứng nhập các thắng định của nội đạo, đã thấy đế lý, tâm khéo giải thoát, được gọi là thiện thanh tịnh. Lại, được vô tướng vô phân biệt định, gọi là vô loạn, tức trời thiện thanh tịnh. Có tướng, có phân biệt, không có rối loạn, tức trời Bất thiện thanh tịnh.

Đạo tối thắng sinh: Nghĩa là nhân vượt hơn của người, trời, nhân thù Thắng Niết-bàn của đạo thù thắng quyết định.

Tứ đế là cảnh của nhân thù thắng này, là câu hỏi về hữu y.

Tự xưng là Bất tử loạn: Nghĩa là về chuyện bất tử của ta, Tịnh thiên đã dạy bảo ta “Nếu có ai đến hỏi, thì không nên trả lời, chỉ nên tùy vào câu hỏi củ của họ mà cách đáp khác”.

Nếu theo Trường A-hàm thì:

1) Không biết thiện ác, có quả báo, không có quả báo, nên theo câu hỏi, giả vờ đáp lung tung, cho rằng, việc này như thế đấy! Việc này thật, việc này khác lạ, việc này không khác lạ; việc này chẳng phải khác, chẳng phải không khác.

2) Chẳng biết đời khác có, hay không.

3) Không biết điều gì là thiện, điều gì là bất thiện.

4) Ngu tối, đần độn. Ở đây nói dựa vào đạo tối-thắng sinh, hỏi về thiện, bất thiện thì như kinh A-Hàm quyển thứ nhất, người kia hỏi:”Thiện, ác là có quả báo hay không? “Cũng chính ở quyển thứ ba, có người hỏi: “Người nào là thiện? người nào là bất thiện? “

Nói dựa vào đạo thù-thắng quyết-định, để hỏi về Khổ, Tập, Diệt, Đạo, chính là câu hỏi thứ hai kia: “Ta có đời sau hay không có đời sau?”

- Nếu chưa thấy được đế-lý thì sẽ có đời sau. Nếu đã thấy đế-lý thì sẽ không có đời sau, vì đã cắt đứt sinh tử.

Lại, Khổ, Tập lôi kéo đến “hữu “sau, gọi là đời hậu hữu. Diệt, Đạo cắt đứt sự sinh tử, nên gọi là không có hậu hữu.

Nêu chấp có hai:

1/ Nêu sơ lược.

2/ Giải thích lại.

1/ Người giác chưa khai ngộ. Giác biết về thiện ác, mà chưa khai ngộ về việc có quả báo, không quả báo.

2/ Đối với pháp đã chứng, khởi tăng thượng mạn, nghĩa là dù chưa chứng Tứ đế mà cho là ta đã chứng, không có đời sau.

3/ Người giác đã khai ngộ mà chưa quyết định: Dù giác biết về thiện, ác, hiểu rõ có quả báo, nhưng đối với thiện, ác vẫn chưa quyết định: “Nay ta không biết được tướng quyết định của thiện và bất thiện”.

4/ Người yếu kém, ngu si đần độn. Nghĩa là tánh kém độn không thể đáp thẳng.

“Lại còn thứ nhất, sợ hãi, nói dối v.v...” trở xuống: Là giải thích lại bốn hạng người trên:

1/ Người vì sợ, nói dối. Nghĩa là chính mình chưa khai ngộ, vì trả lời với người khác, nói là đã hiểu, nên thành nói dối. Nếu không tự xưng là mình đã hiểu, thì người khác sẽ biết là ta không có trí.

2/ Đối với pháp mình đã chứng chưa đạt được không sợ hãi v.v... Nghĩa là người ấy nghĩ rằng: “Chỗ ta đã chứng, chưa được không sợ hãi, nếu người khác vấn hỏi, mà nói là có hoặc ghi nhận khác lạ thì hóa ra ta nói dối. Như y cứ thật có, hoặc cho không phải có thì trở thành tà kiến, chẳng phải tánh thiện của ta, tất cả những điều ẩn mật, đều cho là thọ ký. Cho nên không nói rõ là có sở chứng.

3/ Dù ngộ mà chưa quyết định, sợ e là tà kiến, nói dối, y theo đây, nên biết.

Ba hạng người trên, mượn việc để giả bộ lung tung, hành động này đều là phần-vị tán loạn, chứ không phải dựa vào tâm định.

Trong phần kết, tức do sự đua nịnh tà vạy. Do thuận với lời kia, đáp theo tướng đua nịnh.

Trong kiến không có nhân, trước nêu, sau phá.

Kiến chấp này có hai:

1/ Dựa vào tĩnh- lự Pháp sư Khuy Cơ nói: “Từ trời Vô-tướng mất, sinh đến trong tĩnh-lự này, được Túc-Trụ-Thông. Nhớ tâm xuất định kia, không nhớ phần-vị trước, vì không biết vị định kia, nên chấp không có nhân.

Luận sư Cảnh nói: “Dựa vào tĩnh-lự và Túc-Trụ-tùy niệm mà kiếp không quá khứ, tất cả đều không có về sau, bỗng nhiên có, nên khởi kiến không có nhân.”

2/ Dựa vào tâm, từ. (như văn tự nói)

Trong phá có hai:

1. Phá chấp dựa vào định.

2. “Lại ông muốn điều chi?” Trở xuống là phá chấp dựa vào tâm, từ.

- “Nếu nghĩ đến cái ngã của mình mà chấp ngã, thì trước kia không có, sau này mới sinh là không đúng lý, vì chấp “ngã” là thường.

“Nếu niệm tự ngã, ngã nối kết quá khứ, thì trước khi đến là đã có. Chấp ngã trước không có, sau bỗng nhiên sinh, là không hợp lý.

Trong luận Đoạn Kiến chép: “Người, trời cõi Dục được chia làm hai:

1. Trời Sắc hợp thành một. 2. Bốn không là bốn, nên có bảy thứ.

Nói: “Nếu sau khi ta chết, lại có thân, lẽ ra không tạo nghiệp mà được quả. Ngoại đạo kia chấp rằng, nay từ khi tử diệt, nghiệp phải diệt theo thân. Về sau, nếu có thân, lẽ ra không làm nhân mà được quả khởi.”

- “Nếu quả khởi, thì tức là có lỗi không tạo nhân mà được quả.”

- Nếu thể tánh của ngã, tất cả hoàn toàn không có thì lẽ ra không có người thọ nghiệp quả? Vì vị lai là không, nên hiện tại cũng không. Hiện tại đã có, thì không thể nói tất cả “ngã”, hoàn toàn là không. Cho nên thể tánh của “ngã” còn. Trong hiện tại vẫn còn, đời vị lai, tất cả hoàn toàn là không, tất nhiên, sẽ không có thọ nghiệp dị-thục, cho nên thành đoạn diệt!

- Nếu nói uẩn đoạn diệt, là đồng, thì vì ngoại đạo kia thừa nhận uẩn vô- thường, nên đã cố ý cho rằng vô-thường, mà xoay vần sinh khởi, để nói chẳng phải đoạn diệt. Lược rằng:

“Chưa được A-la-hán, sau các tử, uẩn đều không đoạn diệt, vì thừa nhận vô thường, như phần-vị sinh trước.”

- Nếu nói “ngã” đoạn, trước kia ông đã nói bốn đại sắc thô v.v..., đã là ngã đoạn, cũng trước kia, ông đã nói thân đại tạo được sắc thô, sẽ đoạn diệt sau khi chết, trở thành mâu thuẫn.

Trong luận không kiến, trước nêu, sau phá.

Trong phần nêu, trước lược nêu chấp của nội, ngoại đạo, sau, nói rộng về nhân duyên nội, ngoại đạo khởi chấp, trong đó, trước nêu ngoại đạo, sau, nêu pháp Phật.

Trong phần nêu về ngoại đạo có sáu:

1/ Không có thí cho với ái dưỡng, cúng tế.

2/ Không có diệu-hạnh và quả dị-thục.

3/ Không có thế gian kia, không có thế gian này.

4/ Không có mẹ, không có cha.

5/ Không có hữu tình hóa sinh.

6/ Không có A-la-hán chân thật ở thế gian, không có thí cho, không có ái, không có cúng tế.

Pháp sư Huyền Trang nói: "Như kinh bố thí chép: không có thí cho. Nghĩa là nói bố thí, không có ái dưỡng là đối với bi-điền. Không có cúng tế, là đối với kính điền. Giải thích thứ hai rằng: không có thí cho là kính điền, không có ái dưỡng là Bi điền. Không có cúng tế là cảnh không hiện tiền. Giải thích thứ ba: Không có thí cho là đối với chẳng thân, không có ái dưỡng là đối với đã thân, không có cúng tế là cảnh không hiện tiền.

Các người lia dục sinh xuống cõi dưới. Nếu đã lia dục, không nên sinh xuống cõi dưới. nay đã sinh xuống cõi dưới, thì đã biết rõ không từ đời kia đến trong đời này.

Không có trong hữu tình hóa sinh; hoặc sinh lên Vô tướng; hoặc sinh Vô Sắc v.v... Đây là phần ít tà kiến không thấy ba xứ sinh này ở trong đương lai.

Bác hóa sinh không có, không bác tất cả kiến của cõi dưới. Như không có thế gian, cũng không có phần ít, không bác bỏ tất cả.

Quyển thứ 8 ở sau, v.v... nói: "Trung hữu" là hữu tình hóa sinh. Dùng hai tâm định, tán quán sát về "Trung hữu" có khác. Tâm định này quán không bác bỏ "Trung hữu". Vì dùng tâm tán loạn kia để quán, nên bác bỏ "Trung hữu".

Quyển 58 chép: "Không có ba thứ như thí v.v..., gọi là chê bai nhân; không có diệu hạnh, gọi là chê bai dụng; không có 2 nghiệp và Di thực, gọi là chê bai quả; không có cha mẹ, không có hữu tình hóa sinh, không có chân A-la-hán, gọi là phá hoại sự thật.

Quyển 55 chép: "Không có thí cho đến không có ác hạnh, gọi là chê nhân. Không có nghiệp diệu hạnh, ác hạnh, quả dị-thực, gọi là chê bai quả. Không có thế gian này cho đến không có hữu tình hóa sinh, gọi là chê bai tác dụng; không có A-la-hán, gọi là chê bai sự thật.

Dưới là nêu chấp trong pháp Phật:

- Không có thể tánh của tất cả pháp.

- Trước kia, tà kiến ngoại đạo phân biệt là không, chẳng có gì cả. Nay nội đạo chấp không, bác bỏ tất cả, cho nên hỏi đáp chung, giống như pháp ly lời nói rất sâu sắc, nghĩa là như giáo mật thuyết "không", Bát Nhã v.v... Tợ hồ đều không có mà chẳng phải là hoàn

toàn “không”, vì không thể lãnh hội, nên thay vì chỉ bày rõ ràng, lại bác bỏ tất cả là không.

Lại đối với pháp tướng, vì không tư duy như lý, tức là bác bỏ các pháp.

Trong phần phá có hai:

1. Phá riêng.

2. Kết.

- Phá riêng có hai:

a. Bốn lớp phá về chấp không của ngoại đạo.

b. Phá nội đạo chấp không.

Bốn lớp phá về chấp không của ngoại đạo. Trước là nêu chấp có sáu, ba chấp đầu hợp thành một câu. Hỏi để phá; Ba chấp sau, mỗi lối chấp đều có một cách phá: Nếu đều có, thì trước ông đã nói là “không có thí cho v.v...” Sự kia vốn chấp không bác bỏ hoàn toàn không có nhân với quả, chỉ vì dựa vào tính lự, nên thấy đời thực hành thí cho, sinh trong gia đình nghèo, hoặc có tiền của, rồi cho rằng sự thí cho không có công năng, tức là vì chê bai phần ít.

Nay hỏi sự sinh kia, hai nghiệp sau của người đó là đều cùng có hay đều không có? Nếu người kia bác bỏ là hoàn toàn không có tất cả thì vạn hỏi này không thành”

Người lià đục tưởng. “Nghĩa là lià các tướng về đục, tức trời vô tướng. Hai lià còn lại, như thứ lớp, lià cõi Sắc, cõi Dục và nhập Niết-bàn. Nếu có ba người này, chẳng phải hóa sinh thì là ai?”

Là có tánh A-la-hán đối với ngoại đạo kia lại khởi tăng thượng mạn v.v... Ý này hỏi: “Thế gian có chân A-la-hán, hay không?” Nếu nói là có, ông cho thế gian không có chân A-la-hán thì không hợp lý. Nếu nói không có thì khởi chấp điên đảo, tự cho mình là La-Hán, đáng gọi là chân La-Hán vì không còn ai khác nữa.”

Trong phá chấp không của nội đạo, đó là chấp điên đảo, là nhiễm y-tha; tịnh viên thành.

Trong phần kết có năm chữ “cố”:

Bốn chữ “cố” đầu là kết phá ngoại đạo; một chữ “cố” sau là kết phá nội đạo.

Trong phần vọng chấp hơn hết, trước là nêu, sau là phá:

Bà-la-môn là sắc loại bạch tịnh. Nghĩ là dùng hạt giống thiện, trắng, chẳng phải sắc trắng.

Người được thanh tịnh, là người tu hành thanh khiết, giới sẽ được tịnh.

Sinh ở bụng. Nghĩa là Bà-la-môn kia chấp rằng từ rốn bụng Đại-Phạm, giữa rốn, mọc hoa sen, hoa sen sinh ra Phạm-Thiên; từ miệng Phạm-Thiên sinh ra hàng Bà-la-môn. vai sinh Sát-Lợi; bắp vế sinh Phệ-xá; gót sinh ra Thủ-đà, cho nên, Bà-la-môn là dòng họ hơn hết. Ba hạng còn lại thuộc giai cấp thấp kém, do đó chấp tánh của Bà-la-môn ở thế gian.

Vì giới đầy đủ. Nghĩa là thấy trong nội đạo, người xuất gia chân tịnh phạm hạnh. Chân Bà-la-môn là các luật sư v.v... Họ tham danh lợi và sự cung kính, vì phương tiện tự làm vẻ vang cho bản thân mình, nên chấp như thế.

Trong phá có mười, y theo phần kết có mười, cho nên

1. Nếu sự sản sinh là đồng thì làm sao một mình Bà-la-môn là hơn hết?.

2. Tạo nghiệp, tất cả đều đồng, chỉ một mình Bà-la-môn là hơn hết, thì rất trái với chánh lý.

3. Trong duyên cơ thọ sinh, nếu ba chỗ đều hiện tiền thì là đây v.v...

Quyển thứ nhất ở trước nói:

“1/ Điều khởi ái nhiễm.

2/ Thời điểm gặp gỡ điều hòa, thích hợp.

3/ Trung hữu hiện tiền, nay là kia, là đây tức trước, cha mẹ đều có tâm nhiễm”.

Do kia: Tức khi mẹ gặp gỡ điều hòa.

Do đây: Tức kiên-đạt phược chính hiện ở trước.

Các Bà-la-môn với những người khác đều đồng với việc này, đâu riêng gì Bà-la-môn lại hơn người khác?

4/ Hoặc nghiệp xứ khéo léo; hoặc tạo nghiệp, hoặc thiện, bất thiện, tất cả đều đồng, đâu có loại nào khác vượt hơn?

5/ Vì tăng thượng. Nghĩa là hoặc vua, hoặc quan, hoặc quân sĩ tăng tiến đầy đủ. Hoặc vì vua; hoặc vì quan; hoặc quân sĩ mạnh mẽ nhanh chóng như đạo vị tăng tiến đều đồng với người khác.

6/ Hoặc được vua chiếu cố ghi vào sổ.

7/ Hoặc tu phạm-Trụ xong v.v... Phạm-Trụ là bốn vô lượng.

8/ Hoặc tu Bồ-đề phần.

9/ Hoặc ngộ bồ-đề của Thịnh-văn

10/ “Lại ông muốn điều gì?” trở xuống, giới, văn, vượt hơn?

Nếu do từ chủng vượt hơn loại sinh, thì nơi luận của ông nói, trong việc cúng tế, nếu giới, văn v.v... vượt hơn, thì sẽ lấy đó để suy lường,

v.v... ”

Trong luận đó nói: “khi cúng tế, đọc văn cúng tế hoặc giữ giới, học rộng sẽ lấy phần tử đó để suy lường. Nay đọc văn cúng tế là không phải chấp lấy nguyên tắc. Nếu chấp lấy loại vượt hơn, tức là trái với lời nói này, không cần phải giữ đủ giới v.v... mà vì đọc văn cúng tế, nên vọng chấp trong thanh tịnh.

Trước là nêu chấp của ngoại đạo. Sau, dùng lý để gạt phá.

Trong phần trước lại có hai:

- a. Nêu đối tượng chấp.
- b. Nói về nhân duyên khởi chấp.

Trong phần nêu đầu có ba:

1. Năm Niết-bàn hiện pháp.
2. Nêu riêng trước v.v... thanh tịnh.
3. Nêu chuyển biến giới thanh tịnh v.v...

Trong năm hiện pháp Niết-bàn, một Niết-bàn đầu, là tiếp nhận dục trần của trời; bốn Niết-bàn sau, là hiện-pháp lạc-trụ, gọi là năm Niết-bàn, dẫn định ở thân, là pháp dục ác, được định vui vẻ, nên gọi là hiện pháp Niết-bàn. Vì dục của con người kém, nên không kiến lập.

Từ trên đến đây đã nói bốn hữu biên bốn bất tử loạn; hai vô nhân; năm hiện Niết-bàn, hợp thành mười lăm, đều thuộc về tà kiến. Thường kiến có bốn mươi; đoạn kiến có bảy, gọi là 62 kiến, tà, kiến biên kiến bao gồm ngã kiến là gốc; hai thủ kiến và giới giúp sinh.

Luận Đối Pháp chép: “Sáu mươi hai kiến, hoặc hai, hoặc tất cả trong năm kiến.”

Ngoại đạo kia cho rằng: “Được hầu hết tha hồ tự tại, đây là chung, thế nào là các tự tại? Một dục tự tại, thì tâm trước tự tại, tức vì dục mâu nhiệm của cõi Trời, nên cảnh tùy ý sử dụng.

Quán hạnh tự tại: Tức quán tự tại trước kia, nghĩa là bốn tĩnh-lự tự tại, gọi chung là năm hiện pháp Niết-bàn.

Lại, như có một lối chấp, vì tự làm khổ thân, nên tự ác giải thoát. Tức là người thứ hai trước lợi xuống sông tắm gội sạch sẽ; hoặc người gây tội ác giải thoát, tức người thứ ba trước giữ giới chó v.v..., ăn phân, uống nước tiểu, làm các việc ác thì tội ác được tiêu diệt v.v...

Trong phá, trước phá, sau kết.

Trong phá trước có bốn lần lại nữa, được chia làm ba:

- 1- Phá năm Niết-bàn.
- 2- Phá chấp nước sạch.
- 3- Hai lần “lại nữa” sau là phá giới chó v.v...

Văn ban đầu có hai tiếp nhận dục mẫu nhiệm của cõi Trời, bốn định hiện tiền, được chia làm hai, trong vọng chấp tốt đẹp.

Hương-khư: Tức vô sò đã nói ở trước.

Chỉ thấy hiện tượng bạc thực (ăn mòn) dần của hiện tượng nhật thực, nguyệt thực ở thế gian và đến quả pháp nghiệp tịnh, bất tịnh của chúng sinh được thành thực v.v...

Ngoại đạo không có biết, bỗng thấy quả báo khổ, vui của chúng sinh thành thực, gặp phải hiện tượng nhật nguyệt ăn mòn, các tinh tú vận hành như thế. Lúc vận hành như thế thì nói là do mặt trời, mặt trăng tạo ra.

Từ trên đến đây, các pháp chấp đều có tỷ-lượng, vì e rườm rà nên không lập. các người có học mỗi mỗi nên lập.

Thứ ba ở dưới kết thành trong phần phá ở trước.

Luận sư Cảnh giải thích: “Do hai môn phát khởi, quán sát, do đạo lý chân chánh là một môn; tìm kiếm theo đuổi, quán sát là môn thứ hai.”

Sư Tăng Huyền nói: “Do hai môn phát khởi, quán sát là hai môn lý, và giáo trong phần nêu chấp, mà tạo nên sự quán sát về nhân, duyên khởi chấp kia. Do đạo lý chánh đáng, tìm kiếm, theo đuổi, quán sát.

Trong phần đả phá lấy lý để tìm kiếm, gạn hỏi, quán sát mọi lối chấp của ngoại đạo kia đều không hợp lý.
